

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THUẬN AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 105/2021/HS-ST  
Ngày: 14 - 4 - 2021.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Huỳnh Ngọc Kiệt.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Huỳnh Hoàng Thuận – Giáo viên trường THPT Trần Văn Ôn.
2. Bà Nguyễn Ngọc Hồng – Giáo viên hưu trí

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hoàng Tấn, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 295/2020/TLST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 313/2020/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo:

Trần Hữu P, sinh ngày 20/8/2003 tại Cà Mau; nơi ĐKKTT: Ấp 10A, xã T, huyện T, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: 45/27 đường số 5, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1969 và bà Mai Thị N, sinh năm 1969; bị cáo chung sống như vợ chồng với Phùng Thị Hà P, sinh năm 2002 và có 01 người con sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 23/4/2020 cho đến ngày 26/4/2020 giao cho người đại diện giám sát. Bị bắt tạm giam từ ngày 09/4/2021 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp và người bào chữa của bị cáo: Bà Mai Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: 45/27, đường số 5, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương – là mẹ của bị cáo, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Mai Thị N, sinh năm 1969; địa chỉ: 45/27, đường số 5, khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Người làm chứng:

1. Bà Phùng Thị Hà P, vắng mặt.
2. Ông Hồ Diên D, vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Hữu P và Phùng Thị Hà P sống chung với nhau như vợ chồng từ khoảng tháng 7/2019. Đến tháng 4/2020, Phần và Phương đến thuê phòng số 10 của nhà nghỉ Yên Trang thuộc phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương để ở. Trong quá trình ở tại nhà nghỉ Yên Trang, P và P có quen biết một đối tượng tên Trí (không rõ nhân thân, lai lịch) cùng thuê phòng nghỉ tại đây. Sau đó Trí đến phòng của P, P và lấy tiền giả trong bóp đưa cho P, P xem, đồng thời nói là tiền giả nếu có nhu cầu xài Trí sẽ đổi cho với tỷ lệ 1: 3 (P đưa 1.000.000 đồng tiền thật thì Trí đưa 3.000.000 đồng tiền giả) nhưng sợ Công an bắt nên P và P không đồng ý đổi. Sau đó Trí tiếp tục đem tiền giả đến phòng của P và P, Trí đưa cho P một xấp tiền giả mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng; đồng thời Trí nói với P cứ lấy tiền đi xài, nếu xài được thì đưa tiền thật cho Trí nên P lấy tiền giả bỏ vào ví da và cất giấu dưới nệm giường của nhà nghỉ. Sau đó, P và P đổi qua phòng số 3 của nhà nghỉ Yên Trang, đồng thời P và P lấy một vài tờ tiền giả Trí đưa bỏ vào chậu nước ngâm xem có bị bong không, do tiền bị bong tróc nên bỏ các tờ tiền bị bong vào sọt rác, số tiền giả còn lại P cất giấu vào các lỗ tròn của tấm nệm.

Ngày 22/4/2020, sau khi về quê lên thì P và P tiếp tục thuê phòng trọ số 3 của nhà nghỉ Yên Trang và P kiểm tra số tiền giả vẫn còn ở dưới nệm nên P lấy hết bỏ vào ví tiền của P. Cùng ngày, P và P rủ một số bạn bè đến phòng dự sinh nhật của P và bảo các bạn mang ma túy đến để cùng sử dụng chung. Đến khoảng 15 giờ ngày 23/4/2020, một người bạn tên Tài (không rõ nhân thân, lai lịch) mang ma túy và bộ dụng cụ sử dụng đến phòng của P và P để sử dụng chung. Sau khi sử dụng ma túy, số còn lại và bộ dụng cụ sử dụng ma túy để lại tại phòng và P mang cất giấu vào túi xách của P. Đến 18 giờ cùng ngày, Công an tỉnh Bình Dương kiểm tra hành chính phát hiện hành vi tàng trữ tiền giả của Trần Hữu P và hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Phùng Thị Hà P nên đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với P và P cùng tang vật.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng và 16 tờ tiền polime mệnh giá

100.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo bên trong máy gắn 02 sim; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Hữu P.

Tại Bản kết luận giám định số 170/GĐ-PC09 ngày 29/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận: 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri UU 11032688 và TJ 15528207; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng sê ri GS 11617493; 16 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có các số sê ri TB 17341676, LH 16804484 loại polymer, đề “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” là tiền giả bằng phương pháp in phun màu điện tử.

Theo Bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2811/C09B ngày 29/5/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 5 năm 2020), Trần Hữu P có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng.

Theo Bản Cáo trạng số 29/CT-VKSBD-P1 ngày 17/8/2020 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố Trần Hữu P về tội “Tàng trữ tiền giả” theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Trần Hữu P từ 02 năm tù đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Đối với 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 16 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng loại polymer, đề “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” là tiền giả bằng phương pháp in phun màu điện tử thuộc vật cấm lưu hành nên đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo bên trong máy gắn 02 sim; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Hữu P thu giữ của bị cáo P. Đây là các tư vật và giấy tờ tùy thân của bị cáo Phần, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo P.

Ý kiến của người bào chữa và người đại diện của bị cáo P: Thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An. Đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo về chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị N xác định chiếc xe mô tô biển số 69N1-47302 thuộc sở hữu hợp pháp của bà N. Bà N cho bị cáo mượn để sử dụng và Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại chiếc xe trên cho bà N nên bà N không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An tham gia phiên tòa và lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có cơ hội về chăm sóc, nuôi dưỡng con.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không khiếu nại, tố cáo về các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Trần Hữu P khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo trước Tòa. Lời nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Vào khoảng tháng 4/2020, tại nhà nghỉ Yên Trang thuộc phường Bình Chuẩn, thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương, Trần Hữu P đã thực hiện hành vi cất giấu 4.000.000 đồng tiền giả gồm 02 tờ tiền polime mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền polime mệnh giá 200.000 đồng và 16 tờ tiền polime mệnh giá 100.000 đồng.

Theo Bản kết luận giám định xác định 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng có số sê ri UU 11032688 và TJ 15528207; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng có cùng sê ri GS 11617493; 16 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng có các số sê ri TB 17341676, LH 16804484 loại polymer, đề “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” là tiền giả bằng phương pháp in phun màu điện tử. Do đó, hành vi của bị cáo Trần Hữu P đã đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ tiền giả theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự. Như vậy, Cáo trạng truy tố bị cáo Trần Hữu P với tội danh, điều, khoản nêu trên là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với tiền tệ, đe dọa đến an ninh trật tự và an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức được hành vi tàng trữ tiền giả là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để bị cáo suy nghĩ lại hành vi phạm tội của mình, giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa

gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn. Bị cáo đang chăm sóc, nuôi dưỡng con dưới 36 tháng tuổi (do Phùng Thị Hà P đã bỏ trốn và đang bị truy nã) theo quy định tại điểm s, h khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, Theo bản kết luận giám định pháp y về độ tuổi số 2811/C09B ngày 29/5/2020 của Phân viện khoa học hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận: Tại thời điểm giám định (tháng 5 năm 2020), Trần Hữu P có độ tuổi từ 16 năm 09 tháng đến 17 năm 03 tháng; đồng thời theo Giấy khai sinh của Trần Hữu Phần thể hiện bị cáo Phần sinh ngày 20/8/2003 (đăng ký quá hạn). Do đó, tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội bị cáo chưa đủ 18 tuổi nên khi quyết định hình phạt đối với bị cáo cần áp dụng các quy định tại Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với 02 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng; 07 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng; 16 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng loại polymer, đề “Ngân hàng Nhà nước Việt Nam” là tiền giả bằng phương pháp in phun màu điện tử thuộc vật cấm lưu hành nên tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo bên trong máy gắn 02 sim; 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Trần Hữu P thu giữ trong vụ án. Đây là các tư vật và giấy tờ tùy thân của bị cáo P, không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo P.

Trong quá trình điều tra vụ án, có thu giữ chiếc xe mô tô biển số 69N1-47302. Qua điều tra xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu hợp pháp của bà N. Bà N cho bị cáo mượn để sử dụng và không liên quan đến việc thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã trả lại chiếc xe trên cho bà N; đồng thời bà N không có ý kiến, yêu cầu gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Trần Hữu P xác định Phùng Thị Hà P có biết bị cáo Trần Hữu P cất giấu tiền giả nhưng P không có hành vi giúp sức cho P trong việc cất giấu số tiền giả. Lời khai của Trần Hữu P phù hợp với lời khai của Phùng Thị Hà P nên không có cơ sở để xử lý Phùng Thị Hà P với vai trò đồng phạm với P trong việc thực hiện hành vi tàng trữ tiền giả.

Đối với hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy của Phùng Thị Hà P thuộc thẩm quyền điều tra của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An. Do đó, ngày 27/7/2020 Cơ quan an ninh điều tra Công an tỉnh Bình Dương đã chuyển thông tin tội phạm và ngày 31/7/2020 chuyển hồ sơ tài liệu, vật chứng liên quan đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Thuận An để xử lý theo thẩm quyền.

Đối với đối tượng tên Tài mang ma túy đến phòng thuê của P và P để cùng sử dụng, hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với đối tượng tên Trí đưa tiền giả cho Trần Hữu P chưa xác định được nhân thân, lai lịch. Khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 207; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự;

- Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự;

- Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Trần Hữu P phạm tội “Tàng trữ tiền giả”.

Xử phạt bị cáo Trần Hữu P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 09/4/2021; được khấu trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 23/4/2020 đến ngày 26/4/2020.

2. Về xử lý vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 02 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng giả, có số sê ri UU 11032688 và TJ 15528207; 07 tờ tiền polyme mệnh giá 200.000 đồng giả, có cùng sê ri GS 11617493; 16 tờ tiền polyme mệnh giá 100.000 đồng, có các số sê ri TB 17341676, LH 16804484.

Trả lại cho bị cáo Trần Hữu P 01 giấy chứng minh nhân dân số 382013298 mang tên Trần Hữu P và 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO (kiểu dáng CPH1912) màu đen, bên trong có gắn 02 sim điện thoại gồm 01 sim Vinaphone có số 898402000 11131896571 trên thân sim và 01 sim Viettel có số 8984 0480088267 49604 trên thân sim.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/8/2020).

3. Về án phí: Bị cáo Trần Hữu P phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Thuận An;
- Chi cục THADS thành phố Thuận An;
- Công an thành phố Thuận An;
- Chánh án (để báo cáo);
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Huỳnh Ngọc Kiệt**